

Số: /TTr-STP

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

**(DỰ THẢO)**

## **TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 131 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

#### **1. Về cơ sở pháp lý**

Thực hiện Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 10/3/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND*), có hiệu lực thi hành từ ngày 22/3/2017. Việc ban hành Quyết định nêu trên đã kịp thời thể chế hóa Điều 70 Luật công chứng và là hành lang pháp lý để xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh.

Ngày 15/6/2018, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, trong đó Điều 2 của Luật này đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật công chứng năm 2014 theo hướng bãi bỏ các quy định về quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại Luật công chứng năm 2014. Theo quy định trên, Luật công chứng 2014 (*sửa đổi, bổ sung*) đã bỏ nguyên tắc thành lập tổ chức hành nghề công chứng là “*phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*”. Ngày 01/10/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 19/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 172/NQ-CP về chính sách phát triển nghề công chứng, trong đó có nêu:

*"3. Phát triển tổ chức hành nghề công chứng bảo đảm ổn định, bền vững gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội theo địa bàn cấp huyện.*

*a) Ban hành tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (sau đây gọi tắt là Tiêu chí) theo quy định của Luật Công chứng. Tiêu chí phải đánh giá được sự cần thiết thành lập Văn phòng công chứng gắn với nhu cầu công chứng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội theo địa bàn cấp huyện và bảo đảm tính khả thi, hoạt động ổn định, bền vững của Văn phòng công chứng sau khi được thành lập. Việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng mới hoặc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác phải phù hợp với Tiêu chí đã được ban hành, quy định của pháp luật và định hướng phát triển tổ chức hành nghề công chứng quy định tại Nghị quyết này...".*

Ngày 21/12/2020, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 07/2020/TT-BTP hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong đó có nêu nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp: *"Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng"*.

Ngày 26/5/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Văn bản số 1615/BTP-BTTP về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng, trong đó có nêu: *"Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh: ...Thực hiện nghiêm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Luật Công chứng về việc ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (sau đây gọi là tiêu chí). Các địa phương đã ban hành tiêu chí cần rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Tiêu chí cho phù hợp với chính sách phát triển nghề công chứng đã được xác định trong Nghị quyết số 172/NQ-CP, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu công chứng trên địa bàn và trong điều kiện không còn quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng...UBND cấp tỉnh chỉ xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng sau khi đã ban hành Tiêu chí"*.

Tại khoản 1 Điều 12 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

*"Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật*

*1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan*

*nhà nước cấp trên có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành...”.*

## **2. Về cơ sở thực tiễn**

Thực hiện Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND*), có hiệu lực thi hành từ ngày 22/3/2017; Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND, Sở Tư pháp đã tiếp nhận và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập thêm 04 Văn phòng công chứng. Tính đến ngày 01/6/2021, trên địa bàn tỉnh có 07 tổ chức hành nghề công chứng hoạt động, gồm: 01 Phòng Công chứng (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp); 06 Văn phòng Công chứng.

Hiện nay, hoạt động công chứng từng bước được xã hội hóa, nhưng các Văn phòng công chứng được thành lập còn chưa căn cứ vào nhu cầu công chứng; Văn phòng công chứng chủ yếu tập trung tại trung tâm thành phố, trụ sở các văn phòng công chứng rất gần nhau vừa tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh, vừa khó khăn cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận dịch vụ công chứng, không đạt được mục đích của việc xã hội hóa nghề công chứng. Một số công chứng viên thường xuyên thay đổi tổ chức hành nghề công chứng, thời gian hành nghề của công chứng viên ở mỗi Văn phòng công chứng ít, có trường hợp chỉ hành nghề 2 đến 3 tháng; có trường hợp văn phòng công chứng vừa thành lập đã thay đổi toàn bộ trưởng văn phòng công chứng và công chứng viên hợp danh; Trưởng Văn phòng công chứng thôi làm Trưởng Văn phòng hoặc công chứng viên hợp danh chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại Văn phòng công chứng để thành lập Văn phòng công chứng mới hoặc trở thành thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng khác...dẫn đến tình trạng một số Văn phòng công chứng thường xuyên thiếu công chứng viên hợp danh, hoạt động không ổn định, không bền vững, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nghề công chứng, tiềm ẩn nguy cơ vi phạm pháp luật của một số tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, đồng thời không đáp ứng được nhu cầu công chứng các hợp đồng, giao dịch của tổ chức, cá nhân tại các huyện xa trung tâm....

Từ các vấn đề nêu trên, việc trình UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND

ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là rất cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Mục đích**

Nhằm hoàn thiện về thể chế, nâng cao hiệu quả trong công tác phát triển nghề công chứng.

### **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, nhất là Bộ Luật dân sự, Luật Công chứng, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 11 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng.

- Kịp thời ban hành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

## **III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN**

Các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để soạn thảo, trình ban hành văn bản gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 11 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Một số văn bản có liên quan.

#### **IV. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO**

- Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-STP ngày 08/01/2021 về thành lập các Tổ soạn thảo các dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 38/QĐ-STP ngày 28/01/2021 về việc ban hành Kế hoạch soạn thảo dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; nghiên cứu các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến công tác công chứng, Sở Tư pháp đã tiến hành soạn thảo dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Ngày .../.../2021, Sở Tư pháp đã có Văn bản số .../STP-BT&HCTP đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân; ban hành Văn bản số .../STP-BT&HCTP về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định.

- Ngày .../.../2021, Sở Tư pháp ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ngày .../.../2021, Hội đồng tư vấn thẩm định đã tổ chức họp thẩm định dự thảo Quyết định.

Trên cơ sở kết quả thẩm định tại Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2021, Sở Tư pháp đã tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

##### **1. Về tên gọi**

Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

##### **2. Về nội dung**

Nội dung dự thảo văn bản gồm hai phần, gồm:

a) Dự thảo Quyết định gồm 03 điều, cụ thể:

- Điều 1: Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Điều 2: Điều khoản thi hành.
- Điều 3: Tổ chức thực hiện.

b) Dự thảo Quy chế gồm 3 chương, 14 Điều; trong đó, quy định các nội dung: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; nguyên tắc xét duyệt hồ sơ; các tiêu chí xét duyệt hồ sơ và số điểm tối đa của từng tiêu chí; tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ; tổ chức xét duyệt hồ sơ; cách xác định hồ sơ đạt yêu cầu và cho phép đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; tổ chức thực hiện.

## **VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: ...**

Vậy, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

*Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:*

*(1) Dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*(2) Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày /.../2021 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*(3) Bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định;*

*(4) Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;*

*(5) Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.*

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; (để trình)
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Phòng XDKTTHPL&PBGDPL;
- Lưu: VT, BT&HCTP (L.Hà).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thược**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

**(DỰ THẢO)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập  
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014; Điều 2 Luật sửa đổi,  
bổ sung một số Điều của 11 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm  
2018;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy  
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;*

*Thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về  
chính sách phát triển nghề công chứng;*

**BỔ SUNG THÔNG TƯ 01**

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số ...../TTr-STP ngày  
..... tháng ..... năm 2021 về việc ban hành Quyết định ban hành Quy định tiêu  
chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh  
Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí xét duyệt hồ  
sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thay  
thế Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTrVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra)
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Như Điều 3 (để thi hành);
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Sở Tư pháp (tự KT, đăng tải CSDLPL);
- Báo TQ, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Trưởng các phòng khối NCTH;
- Lưu: VT, NC.

báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Sơn**



## **QUY ĐỊNH**

**Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập  
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về nguyên tắc xét duyệt hồ sơ, tiêu chí chấm điểm, thang điểm, cách thức chấm điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung liên quan đến thành lập Văn phòng công chứng không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về công chứng.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề nghị thành lập, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

##### **Điều 3. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ**

1. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và chính xác; đảm bảo tính cạnh tranh.

2. Hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng công chứng phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.

##### **Điều 4. Các trường hợp không tổ chức xét duyệt, không tính điểm**

###### **1. Trường hợp không tổ chức xét duyệt**

a) Hồ sơ không đủ điều kiện thành lập Văn phòng công chứng do không có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên hoặc chỉ còn một công chứng viên được tính điểm.

b) Có công chứng viên đang thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên mà chưa hết thời hiệu.

c) Có công chứng viên thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ theo khoản 1 Điều 14 Luật Công chứng; thuộc các trường hợp bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Công chứng.

d) Hồ sơ không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

## 2. Trường hợp không tính điểm

a) Công chứng viên chấm dứt thành viên hợp danh tại một Văn phòng công chứng khác mà thời gian hành nghề công chứng tại Văn phòng công chứng đó chưa đủ 12 tháng, trừ trường hợp Văn phòng công chứng đó có từ 03 công chứng viên hợp danh trở lên.

b) Công chứng viên có thời gian chấm dứt thành viên hợp danh tại một Văn phòng công chứng mà chưa đủ 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; trừ trường hợp Văn phòng công chứng đó có từ 03 công chứng viên hợp danh trở lên.

## Chương II

### TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

#### **Điều 5. Tiêu chí xét duyệt hồ sơ và số điểm tối đa của từng tiêu chí**

Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng được xét theo các tiêu chí:

1. Tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng: Tối đa 55 điểm.
2. Tiêu chí về trụ sở của Văn phòng công chứng: Tối đa 35 điểm.
3. Tiêu chí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng: Tối đa 10 điểm.

Tổng số điểm của các tiêu chí: 100 điểm.

#### **Điều 6. Tiêu chí về nhân sự của Văn phòng công chứng (Tổng điểm: 55 điểm)**

1. Tiêu chí công chứng viên: Tối đa 40 điểm
  - a) Số lượng công chứng viên hợp danh thành lập
    - Từ 03 công chứng viên hợp danh thành lập: 15 điểm.
    - Do 02 công chứng viên hợp danh thành lập: 10 điểm.

b) Kinh nghiệm hành nghề của công chứng viên hợp danh là Trưởng Văn phòng công chứng

- Đã hành nghề công chứng từ đủ 36 tháng trở lên: 10 điểm
- Đã hành nghề công chứng từ đủ 24 tháng đến 36 tháng: 05 điểm.

c) Tính ổn định của công chứng viên hợp danh trong tổ chức hành nghề công chứng

- Công chứng viên có thời gian hành nghề ổn định từ đủ 24 tháng trở lên trong tổ chức hành nghề công chứng do mình là công chứng viên hợp danh: 10 điểm.

- Công chứng viên có thời gian hành nghề ổn định từ đủ 12 tháng trở lên đến dưới 24 tháng trong tổ chức hành nghề công chứng do mình là công chứng viên hợp danh: 05 điểm.

2. Kế toán: Tối đa 05 điểm.

a) Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành kế toán: 05 điểm.

b) Có trình độ cao đẳng chuyên ngành kế toán: 04 điểm.

c) Có trình độ trung cấp chuyên ngành kế toán: 03 điểm.

d) Không có trình độ hoặc chuyên ngành khác không phải chuyên ngành kế toán hoặc có kế toán được quy định tại điểm a, b, c nhưng đang làm việc tại các tổ chức hành nghề công chứng khác hoặc đang là công chức, viên chức nhà nước: 0 điểm.

3. Nhân viên nghiệp vụ: Tối đa 05 điểm.

a) Có từ 03 nhân viên nghiệp vụ trình độ đại học trở lên chuyên ngành luật: 05 điểm.

b) Có từ 02 nhân viên nghiệp vụ trình độ đại học trở lên chuyên ngành luật: 04 điểm.

c) Có 01 nhân viên nghiệp vụ trình độ đại học trở lên chuyên ngành luật: 03 điểm.

d) Không có nhân viên nghiệp vụ hoặc nhân viên nghiệp vụ không có trình độ đại học trở lên chuyên ngành luật hoặc có nhân viên nghiệp vụ được quy định tại điểm a, b, c nhưng đang làm việc tại các tổ chức hành nghề công chứng khác hoặc đang là công chức, viên chức nhà nước: 0 điểm.

4. Nhân viên khác, gồm: Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ, công nghệ thông tin: Tối đa 05 điểm.

a) Có nhân viên chuyên trách làm công tác thủ quỹ, văn thư, lưu trữ, công nghệ thông tin: 05 điểm.

b) Có nhân viên kiêm nhiệm làm công tác thủ quỹ, văn thư, lưu trữ, công nghệ thông tin: 03 điểm.

c) Thiếu một trong các nhân viên làm công tác trên: 02 điểm.

d) Không có nhân viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm các công tác trên hoặc có nhân viên khác được quy định tại điểm a, b, c nhưng đang làm việc tại các tổ chức hành nghề công chứng khác hoặc đang là công chức, viên chức nhà nước : 0 điểm.

**Điều 7. Tiêu chí trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng (Tổng điểm: 35 điểm)**

1. Tiêu chí địa điểm trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng: Tối đa 15 điểm.

a) Tại địa bàn thành phố Tuyên Quang

- Địa điểm xã, phường dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng chưa có tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động: 15 điểm.

- Địa điểm xã, phường dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng đã có một tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động: 05 điểm.

- Địa điểm xã, phường dự kiến đặt trụ sở của Văn phòng công chứng đã có từ hai tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động: 0 điểm.

b) Tại địa bàn thị trấn thuộc huyện

- Địa điểm dự kiến đặt trụ sở có khoảng cách từ 01 km trở lên so với địa điểm đăng ký của văn phòng công chứng đang hoạt động: 15 điểm.

- Địa điểm dự kiến đặt trụ sở có khoảng cách dưới 01 km so với địa điểm đăng ký của văn phòng công chứng đang hoạt động: 0 điểm.

c) Tại địa bàn xã thuộc huyện

- Có địa điểm dự kiến đặt trụ sở trong đề án thành lập: 15 điểm.

- Không có địa điểm dự kiến đặt trụ sở trong đề án thành lập: 0 điểm.

2. Tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng: Tối đa 05 điểm.

a) Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng thuộc sở hữu của một trong các công chứng viên là thành viên hợp danh đề nghị thành lập: 05 điểm.

b) Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng có hợp đồng thuê, mượn từ 03 năm trở lên: 03 điểm.

c) Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng có hợp đồng thuê, mượn dưới 03 năm hoặc không có hợp đồng thuê, mượn: 0 điểm.

3. Tiêu chí diện tích trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng: Tối đa 15 điểm.

Trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng có nơi làm việc cho công chứng viên và người lao động với diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các đơn vị sự nghiệp, có nơi tiếp người yêu cầu công chứng và nơi lưu trữ hồ sơ công chứng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng, như sau:

a) Phòng tiếp nhận và giải quyết thủ tục công chứng (*phòng làm việc của công chứng viên và người lao động, nơi tiếp người yêu cầu công chứng*):

- Có diện tích từ 30m<sup>2</sup> trở lên: 05 điểm.

- Không có phòng tiếp nhận và giải quyết thủ tục công chứng hoặc có diện tích dưới 30m<sup>2</sup>: 0 điểm.

b) Phòng kho lưu trữ hồ sơ công chứng:

- Có diện tích từ 20m<sup>2</sup> trở lên: 05 điểm.

- Không có kho lưu trữ hoặc diện tích dưới 20m<sup>2</sup> trở lên: 0 điểm.

c) Trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng phải có chỗ để xe cho khách hàng thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, diện tích dành cho chỗ để xe như sau:

- Có diện tích từ 30m<sup>2</sup> trở lên: 05 điểm.

- Không có chỗ để xe hoặc diện tích dưới 30m<sup>2</sup>: 0 điểm.

**Điều 8. Tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng (Tổng điểm: 10 điểm)**

1. Văn phòng công chứng dự kiến trang bị cơ sở vật chất: Tối đa 05 điểm.

a) Đủ bàn, ghế làm việc cho công chứng viên, nhân viên; bàn ghế tiếp tổ chức, cá nhân đến yêu cầu công chứng: 1,5 điểm.

b) Máy vi tính, máy in; điện thoại để bàn và các trang thiết bị khác để đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng công chứng: 1,5 điểm.

c) Máy photocopy: 0,5 điểm.

d) Lắp đặt Camera giám sát: 0,5 điểm.

đ) Có tủ, giá hồ sơ để lưu trữ hồ sơ công chứng: 0,5 điểm.

e) Có trang thiết bị phòng, chống, cháy nổ theo quy định: 0,5 điểm.

2. Về ứng dụng công nghệ thông tin: Tối đa 05 điểm.

a) Kết nối mạng Internet: 01 điểm.

b) Xây dựng trang Website của Văn phòng công chứng, tạo địa chỉ email cho các công chứng viên và nhân viên: 01 điểm.

c) Đầu tư trang bị phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định: 03 điểm.

### **Điều 9. Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ**

Sở Tư pháp thực hiện việc tiếp nhận và tổ chức xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên cơ sở các tiêu chí và điểm chấm tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này.

### **Điều 10. Tổ chức xét duyệt hồ sơ**

1. Sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

2. Tổ xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng có từ 03 đến 05 người do 01 đồng chí Lãnh đạo Sở Tư pháp làm tổ trưởng và các thành viên, trong đó có 01 đại diện Hội Công chứng viên tỉnh Tuyên Quang.

Các thành viên của Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng làm việc độc lập, căn cứ vào các quy định tại Chương I; các tiêu chí chấm điểm và số điểm của các tiêu chí tại Chương II của Quy định này để tiến hành xét duyệt và chấm điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

Điểm của mỗi hồ sơ được tính bằng điểm trung bình cộng của tất cả các thành viên tham gia chấm điểm. Việc xét duyệt và chấm điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các thành viên Tổ xét duyệt hồ sơ.

### **Điều 11. Xác định hồ sơ đạt yêu cầu và cho phép thành lập**

1. Hồ sơ đạt yêu cầu để thành lập Văn phòng công chứng nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tổng số điểm đạt từ 60 điểm trở lên, mỗi nhóm tiêu chí tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này đạt từ 50% trong tổng số điểm chấm trở lên.

b) Không bị chấm “0 điểm” đối với tiêu chí tại điểm d khoản 2, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 6; điểm a, b, c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a, b, c khoản 3 Điều 7 Quy định này.

2. Trong trường hợp cùng một thời điểm, Sở Tư pháp nhận được hồ sơ đề nghị thành lập của từ hai Văn phòng công chứng trở lên trên cùng địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã thì hồ sơ được lựa chọn là hồ sơ đạt yêu cầu theo khoản 1 Điều này và đạt tổng điểm cao nhất; trong trường hợp nhiều hồ sơ đạt yêu cầu theo khoản 1 Điều này và có tổng điểm cao nhất bằng nhau thì hồ sơ đề nghị xét chọn là hồ sơ có số điểm về nhân sự cao hơn và không thuộc trường hợp không tính điểm quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

3. Căn cứ kết quả xét duyệt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 12. Trách nhiệm của công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng**

1. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

2. Đề án thành lập Văn phòng công chứng phải có phụ lục các giấy tờ kèm theo chứng minh những nội dung trình bày trong Đề án để làm cơ sở cho việc xét duyệt.

3. Thực hiện đúng các nội dung đã nêu tại Đề án thành lập Văn phòng công chứng trước và sau khi đăng ký hoạt động.

##### **Điều 13. Khiếu nại liên quan đến việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng**

1. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền khiếu nại cơ quan có thẩm quyền từ chối việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối là trái với quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Việc giải quyết khiếu nại tuân thủ theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

##### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng trước khi cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng. Không cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng mà quá trình kiểm

tra cấp Giấy đăng ký hoạt động, Văn phòng công chứng không thực hiện đúng Đề án và cam kết như đã trình khi thành lập. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng sau khi cấp Giấy đăng ký hoạt động.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Sơn**